

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 17-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hường
2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn:

1. Ông Bùi Phước D, sinh năm 1972.
2. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh L.

(Bà H có đơn xin vắng mặt; ông D, bà X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trình bày:

Năm 2017, 2018 bà H tham gia chơi hội do ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X làm chủ hội gồm hội tháng và hội tuần:

Ngày 17/7/2017, tham gia hội 300.000 đồng, có 20 người, trong đó bà tham gia 10 phần đóng được 19 tháng, mỗi tháng đóng 300.000 đồng, hốt được 57.000.000 đồng, trừ hoa hồng cho chủ hội số tiền là 2.000.000 đồng, còn lại là 55.000.000 đồng.

Ngày 12/12/2017, tham gia hội 300.000 đồng, có 15 người, trong đó bà tham gia 15 phần đóng được 14 tháng, mỗi tháng đóng 230.000 đồng thành tiền 48.300.000 đồng.

Ngày 13/3/2018, tham gia hội 300.000 đồng, có 20 người, trong đó bà tham gia 20 phần đóng được 11 tháng, mỗi tháng đóng 230.000 đồng thành tiền 50.600.000 đồng.

Ngày 12/6/2018, tham gia hội 300.000 đồng, có 20 người, trong đó bà tham gia 20 phần đóng được 08 tháng, mỗi tháng đóng 230.000 đồng thành tiền 36.800.000 đồng.

Ngày 12/9/2018, tham gia hội 300.000 đồng, có 20 người, trong đó bà tham gia 05 phần đóng được 05 tháng, mỗi tháng đóng 230.000 đồng thành tiền 5.750.000 đồng.

Ngày 12/12/2018, tham gia hội 300.000 đồng, có 20 người, trong đó bà tham gia 10 phần đóng được 02 tháng, mỗi tháng đóng 230.000 đồng thành tiền 4.600.000 đồng.

Ngày 24/6/2018 (AL), bà H tham gia hội tuần 04 phần đóng được 28 tuần thành tiền 8.960.000 đồng.

Tổng số tiền hội vợ chồng bà X, ông D còn nợ là 210.000.000 đồng.

Bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hội còn nợ là 210.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền còn nợ. Ngoài ra, bà H không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay còn nợ.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Giấy thiếu tiền hụi ngày 26/02/2019; Bảng kê đóng tiền hụi từ ngày 12/7/2017 đến ngày 15/02/2019; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; Qua diễn biến phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, thì có đủ cơ sở xác định:

Năm 2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Bùi Thị X, ông Bùi Phước D làm chủ hụi. Sau đó, bà X ông D bị bẽ hụi. Ngày 26/02/2019, bà X ông D có lập “Giấy thiếu tiền hụi” xác nhận nợ bà H số tiền 210.000.000 đồng.

Bà H cung cấp cho Tòa án “Giấy thiếu tiền hụi” có chữ ký của ông D, bà X thể hiện ông D, bà X còn thiếu bà H số tiền 210.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị X, ông Bùi Phước D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà X, ông D vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H buộc ông Bùi Phước D và bà Bùi Thị X liên đới trả cho bà H số nợ hụi là 210.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Theo đơn khởi kiện, thì nguyên đơn khởi kiện vợ chồng ông D, bà X nên căn cứ vào khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng năm 2015 xác định bà X, ông D là đồng bị đơn.

[3]. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Về nội dung tranh chấp:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4.1]. Căn cứ vào “*Giấy thiếu tiền hui*” ngày 26/02/2019, bảng kê đóng tiền hui từ ngày 12/7/2017 đến ngày 15/01/2019 và theo lời trình bày của nguyên đơn, thì Hội đồng xét xử xác định bà X, ông D đã ký tên vào các giấy nêu trên là có thật.

[4.2]. Theo nội dung của “*Giấy thiếu tiền hui*” ngày 26/02/2019, bảng kê đóng tiền hui từ ngày 12/7/2017 đến ngày 15/01/2019 thì vợ chồng bà X, ông D xác nhận các loại hui mà bà H tham gia đã hết thời kỳ đóng và đã xác nhận còn nợ số tiền này nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng góp hui nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án này.

[4.3]. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện vợ chồng ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X theo địa chỉ ghi trong “*Giấy thiếu tiền hui*” ngày 26/02/2019 số 234A ấp Chánh, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng họ không có mặt tại địa chỉ nêu trên để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án là trường hợp cố tình vắng mặt và không thông báo cho bà Nguyễn Thị Kim H biết rõ địa chỉ hiện tại sau khi xác nhận nợ, là cố tình che dấu địa chỉ của mình tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5/5/2017 và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao giải đáp một số vướng mắc trong xét xử “*..Trường hợp sau khi thụ lý, tòa xác minh thì được biết phía bị kiện đã đi khỏi nơi cư trú sáu tháng trước: Đây được xác định là trường hợp phía bị kiện giấu địa chỉ. Tòa căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung...*” nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng ông D, bà X có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hui còn nợ là 210.000.000 đồng cho bà H là có căn cứ và phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức nên ghi nhận.

[5]. Về lãi suất: Trong Đơn khởi kiện, quá trình Tòa án giải quyết, bà H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền hui còn nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc vợ chồng ông D, bà X phải liên đới chịu theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với vợ chồng ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

2. Buộc vợ chồng ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền hội còn nợ là 210.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Bùi Phước D, bà Bùi Thị X phải liên đới chịu 10.500.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu năm trăm ngàn đồng*). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị Kim H là 5.250.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08648 ngày 28/3/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Cao Thị Thới